

XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG TRONG ĐÀO TẠO CỦA NHÂN CHUYÊN NGÀNH TÂM LÍ - GIÁO DỤC NHẰM ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI

○ TS. NGUYỄN THỊ TÍNH*

1. Chất lượng GD-ĐT là sự đáp ứng nhu cầu xã hội về sản phẩm (năng lực, nhân cách con người) được đào tạo. Tương tự, quản lý chất lượng giáo dục tổng thể (TQM - Total Quality Management) là hệ thống quản lí (QL) hướng vào con người, coi con người là trung tâm; do đó, trách nhiệm đối với chất lượng (sản phẩm hoặc dịch vụ) không chỉ tập trung vào nhà QL mà còn là trách nhiệm của các thành viên trong tổ chức. Sự tham gia của mọi người có ý nghĩa tăng cường sự hợp tác, chia sẻ trách nhiệm. Do đó, việc đảm bảo chất lượng đòi hỏi phải có sự cam kết của các thành viên và các bộ phận trong tổ chức.

Trong nhà trường sư phạm, TQM chính là sự cam kết và chia sẻ trách nhiệm giữa nhà QL với cán bộ, GV, nhân viên và người học về việc đảm bảo chất lượng GD-ĐT.

Xu thế giáo dục hiện nay là dạy học hướng vào người học. Bản chất của quan điểm này là quá trình giáo dục phải hướng vào việc làm cho học sinh được phát triển toàn diện về trí lực, tâm lực, thể lực. Người học không phải là chủ thể bị động, chịu sự tác động của người dạy mà là chủ thể tích cực, chủ động tương tác với người dạy để tìm kiếm thông tin, tri thức, làm giàu vốn liêng tinh thần cho bản thân. Do vậy, người dạy phải xuất phát từ nhu cầu của người học để hướng dẫn, tổ chức, điều khiển, tư vấn hoạt động học đạt hiệu quả cao nhất.

2. Năm 2009, Khoa Tâm lí - Giáo dục (TL-GD) Trường ĐHSP-ĐH Thái Nguyên đã tiến hành khảo sát về nội dung, chương trình đào tạo, thực trạng việc làm sau khi ra trường đối với sinh viên (SV) đã tốt nghiệp và SV cuối khoá. Kết quả cho thấy, 45% SV sau khi tốt nghiệp làm nghề dạy học, số còn lại tham gia công tác tư vấn giáo dục tại các trung tâm giáo dục trẻ tự kỷ, công tác tuyên giáo, công tác xã hội...

Về tính hợp lý của nội dung, chương trình đào tạo, 65% SV cho rằng chương trình hợp lý;

90% SV cho rằng chương trình đào tạo chưa cân đối giữa lý thuyết với thực hành, SV ít có cơ hội xâm nhập thực tế. Vì vậy, nhìn chung, năng lực thực hành và kỹ năng sống của SV chưa cao. Điều này đã cản trở SV trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống và lao động nghề nghiệp.

Về phương pháp giảng dạy và điều kiện học tập, nghiên cứu, 100% SV cho rằng giảng viên (GV) chưa ứng dụng công nghệ thông tin thường xuyên trong giảng dạy (do điều kiện cơ sở vật chất nghèo nàn); 25% SV đánh giá GV còn sử dụng phương pháp đọc chép, chưa khai thác vốn sống, vốn kinh nghiệm của người học; 75% SV đánh giá các hoạt động phục vụ như giảng đường, thư viện chưa thân thiện với người học, quan hệ học tập chưa hợp tác, tính năng động của SV còn thấp.

3. Thực tế khảo sát nói riêng và thực tiễn cho thấy, thời gian qua, vì nhiều lí do (khách quan và chủ quan), chất lượng giáo dục nói chung của nước ta chưa cao, chưa đáp ứng được đòi hỏi tất yếu của xã hội và hòa nhập với xu thế chung của khu vực cũng như trên thế giới. Bởi vậy, để giáo dục đạt chất lượng và hiệu quả thực sự như mong muốn, theo chúng tôi, cần có những chính sách tối ưu, cụ thể:

- Thiết lập một tiêu ban có chúc năng lập kế hoạch, tổ chức, theo dõi, kiểm soát chất lượng và đề xuất giải pháp để tham mưu cho lãnh đạo trường, khoa trong việc xây dựng chất lượng GD-ĐT.

- Xác định nhu cầu của khách hàng: Nhà QL phải kiểm soát chất lượng dạy và học cũng như nắm bắt được yêu cầu của xã hội, nhu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất, năng lực, tình độ, kỹ năng của người được đào tạo, nhằm đáp ứng với nhu cầu lao động trong xã hội phát triển.

- Tự đánh giá nguồn lực bản thân (nhân lực, vật lực, tài lực...) để nâng cao năng lực đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội, xác định nguồn tài

* Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

chính hỗ trợ cho hoạt động đào tạo một cách khoa học.

- *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn đánh giá:* Hoàn thiện tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập của SV, chất lượng giảng dạy của GV, hoạt động nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, hoạt động xã hội, văn nghệ thể thao,...

- *Định kì khảo sát mức độ đạt được các tiêu chuẩn quy định* cho từng loại sản phẩm và mức độ tin cậy của sản phẩm đối với khách hàng. Để làm được điều này, hàng năm khoa và nhà trường phải tiến hành điều tra để thu thập thông tin ngược từ phía nhà tuyển dụng về năng lực, trình độ, phẩm chất nhân cách cựu SV.

- *Coi trọng việc nâng cao chất lượng dạy và học,* ngăn chặn mọi biểu hiện tiêu cực trong nhà trường, xây dựng môi trường văn hóa học tập lành mạnh, tích cực.

4. Một số kiến nghị:

- Đề nghị Đại học Thái Nguyên cho phép Khoa TL-GD tiếp tục hoàn thiện, phát triển chương trình theo hướng đa dạng hóa lĩnh vực đào tạo; không chỉ đơn thuần lĩnh vực sư phạm mà có thể đào tạo chuyên sâu các lĩnh vực khác như tư vấn, công tác xã hội, tư pháp, marketing kinh doanh, điều trị lâm sàng... Trước đây, hướng đào tạo chủ yếu của khoa tập trung vào sư phạm; những năm gần đây, do điều kiện kinh tế - xã hội phát triển nhanh, mạnh nên đời sống vật chất của người Việt Nam không ngừng được nâng lên, tuy nhiên, đời sống tâm lý lại nảy sinh nhiều bất định, rất cần sự hỗ trợ của các chuyên gia tâm lý. Do vậy: «hiện tại và trong tương lai, nguồn nhân lực trong lĩnh vực này được dự báo là rất lớn, nhưng hiện tại chúng ta vẫn chưa đáp ứng được; mặt khác, thực tiễn đã chứng minh rằng, ở một số lĩnh vực (hướng nghiệp, kinh doanh, quản lý, điều tra tội phạm, bệnh viện...), nếu có chuyên gia tâm lý thì hiệu quả, chất lượng công việc sẽ nâng cao rất nhiều» (theo PGS.TS. Văn Thị Kim Cúc - Viện Tâm lí học).

- *Hoàn thiện tiêu chuẩn đánh giá* (về mặt định lượng và định tính) kết quả học tập, nghiên cứu của SV, chất lượng giảng dạy của GV, hoạt động xã hội, văn nghệ thể thao... Phương châm đào tạo của chúng tôi là SV TL-GD phải am hiểu tâm lí con người, thành thạo về kỹ năng sống, kỹ năng giảng dạy, tư vấn, giao tiếp, có khả năng trở thành nhà hoạt động xã hội hiệu quả...

- Dựa trên những tiêu chuẩn đánh giá và kênh thông tin phản hồi của xã hội, SV, Khoa TL-GD

cần thường xuyên khảo sát về mức độ phù hợp của chương trình đào tạo, năng lực được đào tạo của SV, trình độ giảng dạy của GV, thái độ của cán bộ phục vụ, quản lí (có thực sự thân thiện với người học, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người học hay không?); đồng thời tham khảo, trung cầu ý kiến của các nhà tuyển dụng, sự kỳ vọng của xã hội về mức độ đáp ứng năng lực và trình độ của SV. Trên cơ sở đó, khoa sẽ phối hợp với nhà trường hoạch định cơ chế, chính sách, chương trình và nội dung đào tạo sao cho sát thực và hiệu quả.

- Nhà trường cần có nguồn lực tài chính cụ thể để trang bị, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của SV; khuyến khích GV tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường hoạt động của người học, tăng thời gian thực hành, thực tế nhằm rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho SV (có khả năng thích ứng trong nhiều lĩnh vực xã hội). Ngược lại, SV cũng cần tự chủ trong học tập, nghiên cứu, tích cực tham gia các hoạt động xã hội nhằm biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. □

Tài liệu tham khảo

- Trần Kiểm. Tiếp cận hiện đại trong quản lí giáo dục. NXB Giáo dục, H. 2006
- Nguyễn Đức Minh. Quản lí giáo dục - một số vấn đề lí luận và thực tiễn. NXB Hà Nội, 1990.
- Trần Thanh Thuý. Cẩm nang quản lí. NXB Hà Nội, 2008
- Phạm Hồng Quang. Phát triển chương trình đào tạo. Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên, 2007.

Đào tạo nghiệp vụ sư phạm...

(Tiếp theo trang 5)

quyết được một trong những vấn đề rất cơ bản, có tác động tích cực tới việc nâng cao chất lượng rèn luyện NVSP ở các trường sư phạm.

Nâng cao chất lượng rèn luyện NVSP, thực chất là nâng cao chất lượng tay nghề. Không nâng cao chất lượng tay nghề, khó có thể có được đội ngũ GV chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới. Với vị trí quan trọng đó, cần thiết phải có một cuộc «cách mạng» thực sự, triệt để trong ĐT NVSP của các trường sư phạm hiện nay. □